TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - H phúc**

Bản án số: 98/2023/HC-PT
Ngày: 11/4/2023
V/v: "*Kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Nguyễn Văn Tiến**

Các thẩm phán: ông **Phạm Tồn**

ông **Phạm Văn Hợp**

- Thư ký phiên tòa: ông **Phạm văn Phong**, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Phạm Tấn Ánh**, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2023, tại Điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và tại Điểm cầu thành phần tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định, xét xử trực tuyến phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 301/2022/TLPT-HC ngày 14 tháng 11 năm 2022 về việc "*Kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*". Do Bản án hành chính sơ thẩm số 58/2022/HC-ST ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1073/2023/QĐ-PT ngày 20 tháng 3 năm 2023; giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Trương Thị Lệ T, sinh năm 1964; cư trú tại: Khu phố T 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bình Định, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trương Thị Lệ T: Anh Trần Hữu P, sinh năm 1994 (Văn bản ủy quyền ngày 20/9/2022); trú tại: thị trấn T, huyện T, tỉnh Bình Định, có mặt.

- ***Người bị kiện***:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định; địa chỉ: thị trấn T, huyện T, tỉnh Bình Định.

Đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh N – Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh Bình Định (có đơn xin vắng mặt).

2. Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định

Đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh N – Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh Bình Định; địa chỉ:, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bình Định (có đơn xin vắng mặt).

3. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T, tỉnh Bình Định

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn Q – Giám đốc chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T; địa chỉ: Khu phố T 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bình Định.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:**

1. Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Bình Định

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Viết T – Chủ tịch UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh Bình Định

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Phong T – C chức Địa chính - Đô thị - Xây dựng và Môi trường thị trấn T (có đơn xin vắng mặt).

2. Chị Mai Thị C, sinh năm 1987 (có đơn xin vắng mặt).

3. Chị Mai Thị T, sinh năm 1989 (có đơn xin vắng mặt).

4. Chị Mai Thị K, sinh năm 1992 (có đơn xin vắng mặt).

5. Anh Mai Xuân D, sinh năm 1994 (có đơn xin vắng mặt).

Cùng trú tại: Khu phố T 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bình Định.

Do có kháng cáo của người khởi kiện – bà Trương Thị Lệ T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện bà Trương Thị Lệ T trình bày:

N 2019, bà có làm hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 86, tờ bản đồ số 6 diện tích 320m^2 tại Khu phố T 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bình Định. Nguồn gốc thửa đất nói trên là của ông Mai Xuân L theo hồ sơ địa chính năm 1985 người sử dụng đất là ông Mai Xuân L diện tích 720m^2 đất ở. N 1988, gia đình ông L có xây dựng lại nhà trên nền nhà cũ, sau khi ông Mai Xuân L chết để lại ông Mai Xuân T là chồng bà sử dụng, ông T chết để lại cho bà và các con của bà với ông T sử dụng. Bà xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 327m^2/720m^2 nhưng Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T thì cho rằng đất của bà là đất nông nghiệp nên trả lại hồ sơ cho bà và sau đó UBND huyện T đồng ý

cách giải quyết của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện T. Cơ quan có thẩm quyền lý giải vì 720m^2 đất ở theo hồ sơ địa chính năm 1985 đã chia cho ông Mai Thành C và ông Mai Xuân B (Theo Báo cáo số 42/BC-UBND) nhưng cơ quan có thẩm quyền chưa cung cấp tài liệu thể hiện việc giao đất ở cho ông Mai Thành C và ông Mai Xuân B có đúng quy định hay không, trong khi bà không hay biết việc UBND huyện T lấy phần đất ở của cha chồng giao cho Mai Thành C và ông Mai Xuân B. Vì những lý do trên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy C văn số 725/CNVPĐKĐĐ ngày 10/9/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T về việc chuyển trả hồ sơ GCNQSĐ đất của bà, hủy C văn số 201/UBND-TNMT ngày 06/3/2020 của Chủ tịch UBND huyện T về việc phúc đáp đơn của ông Trần Hữu P (đại diện cho bà Trương Thị Lệ T) và buộc UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho bà.

Bên cạnh đơn khởi kiện vụ án hành chính, người khởi kiện còn cung cấp cho Tòa án một số tài liệu, chứng cứ khác có liên quan đến yêu cầu khởi kiện. Ngoài ra, người khởi kiện không tự mình thu thập được bất kỳ chứng cứ nào khác và không yêu cầu Tòa án thu thập thêm tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc giải quyết vụ án.

Người bị kiện đại diện Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T: ông Lê Văn Quang - Giám đốc chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai trình bày:

Nguyên thửa đất số 126, tờ bản đồ số 75, diện tích 327m^2 (bản đồ năm 2013) tại Khu phố T 1, thị trấn T của bà Trương Thị Lệ T có nguồn gốc của cha mẹ để lại cho ông Mai Xuân T, ông T chết không để lại di chúc, các thành viên trong gia đình thống nhất thỏa thuận phân chia di sản đồng ý để lại cho bà Trương Thị Lệ T sử dụng ổn định cho đến nay.

Kiểm tra hồ sơ địa chính năm 1993, tại sổ mục kê số 2, trang 46 thửa đất số 86, tờ bản đồ số 6, diện tích 320m^2 loại đất vườn được Sở Địa chính nghiệm thu ngày 20/3/1996 do ông Mai Xuân T đăng ký đứng tên chủ sử dụng; Kiểm tra hồ sơ địa chính năm 2013, thửa đất trên có số thửa mới là 126, tờ bản đồ số 75 diện tích 327m^2 loại đất ở tăng thêm 7m^2 là do lấn đất quy hoạch thừa. Qua rà soát toàn bộ hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T và UBND thị trấn T xác định thửa đất số 126, tờ bản đồ số 75, diện tích 327m^2 đất ở của bà Trương Thị Lệ T không có một trong các loại giấy tờ được quy định tại điều 100 Luật Đất đai năm 2013, hồ sơ địa chính năm 1993 là đất vườn, hiện trạng đã xây dựng nhà ở. Căn cứ điểm c khoản 5 Điều 20 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai "Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ổn định vào mục đích thuộc nhóm đất nông nghiệp từ trước ngày 01/7/2004 trong cùng thửa đất có nhà ở thì hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo mục đích hiện trạng sử dụng; nếu người sử dụng đất đề nghị

chuyển sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp thì phải làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất và phải nộp tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Hiện hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T đã trả lại cho bà Trương Thị Lệ T.

Người bị kiện Chủ tịch UBND huyện T, Ủy ban nhân dân huyện T do đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Nam – Chủ tịch UBND huyện T trình bày tại Văn bản số 944/UBND-TNMT ngày 17/6/2022 như sau:

Theo hồ sơ địa chính năm 2013, thửa đất số 126, tờ bản đồ số 75 diện tích 327m^2 chủ sử dụng ông Mai Xuân T (chết) vợ là bà Trương Thị Lệ T sử dụng (chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Căn cứ quy định pháp luật đất đai hiện hành thì hồ sơ địa chính xác lập năm 1993 là có cơ sở để xác định loại đất bà T đang sử dụng, đồng thời hiện trạng thửa đất bà T đang sử dụng đã xây dựng nhà ở. Vì vậy nếu bà T muốn được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì phải thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 20 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. Do đó Chủ tịch UBND huyện T không đồng ý hủy C văn số 201/UBND-TNMT ngày 06/3/2020 về việc phúc đáp đơn của ông Trần Hữu P (đại diện cho bà Trương Thị Lệ T) nên yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho bà Trương Thị Lệ T là không có căn cứ nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND thị trấn T do người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Phong T trình bày:

Thửa đất bà Trương Thị Lệ T sử dụng tại thửa đất số 126, tờ bản đồ số 75 diện tích 327m^2 loại đất vườn. Nguồn gốc đất do cha mẹ có trước năm 1975 để lại cho con ông Mai Xuân T (chết) không để lại di chúc, các thành viên trong gia đình vợ và các con thống nhất thỏa thuận phân chia di sản được UBND thị trấn T chứng thực ngày 22/5/2019 để lại cho bà Trương Thị Lệ T sử dụng đến nay.

Kết quả kiểm tra, rà soát hồ sơ địa chính qua các thời kỳ thì thửa đất trên có số thửa 35, tờ bản đồ số 11 diện tích 720m^2, loại đất: T, do ông Mai Xuân L đứng tên chủ sử dụng. Theo hồ sơ địa chính năm 1993, thửa đất trên chia thành 3 thửa: Thửa số 91, tờ bản đồ số 6, diện tích 410m^2 (200m^2 đất ở, 210m^2 đất vườn) do ông Mai Thành C đứng tên chủ sử dụng có tên trong sổ mục kê quyển số 2; Thửa số 87 tờ bản đồ số 6, diện tích 210m^2 (200m^2 đất ở, 10m^2 đất vườn) do ông Mai Xuân B đứng tên chủ sử dụng có tên trong sổ mục kê quyển số 2; Thửa số 86 tờ bản đồ số 6, diện tích 320m^2 loại đất vườn do ông Mai Xuân T đứng tên chủ sử dụng có tên trong sổ mục kê quyển số 2.

Theo Hồ sơ địa chính năm 2013, thửa đất ông Mai Thành C sử dụng đã chuyển nhượng cho bà Bùi Thị L sử dụng thửa đất số 05, tờ bản đồ số 75 diện tích 289,1m^2 (ODT: 140m2, HNK: 149,1m^2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Diện tích đất còn lại bà L cắt chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Mỹ H sử dụng thửa đất số 06, tờ bản đồ số 75, diện tích 118,2m^2, loại đất: ODT đã được cấp giấy CNQSDĐ; Thửa đất do ông Mai Xuân B và vợ là bà Nguyễn Thị N sử dụng thửa đất số 07, tờ bản đồ số 75 diện tích 207,2m^2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Thửa đất số 126, tờ bản đồ số 75, diện tích 327m^2 chủ sử dụng ông Mai Xuân trọng (chết) vợ là bà Trương Thị Lệ T sử dụng (chưa được cấp giấy chứng nhận QSDĐ).

Căn cứ hồ sơ địa chính 299 năm 1985, Căn cứ Biên bản xác minh nguồn gốc đất và thời điểm sử dụng đất của bà Trương Thị Lệ T ngày 11/4/2019 của UBND thị trấn T. Theo Biên bản này, ý kiến khu dân cư cho rằng nguồn gốc thửa đất trên có từ trước năm 1975, do ông Mai S tạo lập và ông Mai S có 3 người con là ông Mai Xuân L, ông Mai Xuân B và bà Mai Thị N. Về nhà ở cũng tạo lập trước năm 1975 cụ thể có 3 ngôi nhà từ đó đến nay. Ngôi nhà của ông Mai Xuân T và vợ là bà Trương Thị Lệ T được thừa kế của cha mẹ là ông Mai Xuân L đã được hình thành trước năm 1975 đến nay.

Theo đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất của bà Trương Thị Lệ T ở Khu phố T 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bình Định. Hội đồng họp xét các trường hợp đủ điều kiện và không đủ điều kiện cấp giấy CNQSDĐ của UBND thị trấn T đã tiến hành họp xét thửa đất của bà Trương Thị Lệ T đủ điều kiện cấp giấy CNQSDĐ. UBND thị trấn T đã làm báo cáo đề nghị các cấp có thẩm quyền cấp giấy CNQSDĐ cho bà Trương Thị Lệ T theo đúng quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Mai Thị T, anh Mai Xuân D, chị Mai Thị C, chị Mai Thị K trình bày:

Thống nhất nội dung trình bày của bà Trương Thị Lệ T.

Tại Bản án sơ thẩm số 58/2022/HC-ST ngày 26/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 29, 30; Điều 32; Điều 116 Điều 157, Điều 158; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194 Luật Tố tụng hành chính 2015; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011; Luật sửa đổi bổ sung

một số Điều của Luật tổ chức Chính phủ và tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; Nghị định số 75/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại ngày 11/11/2011, Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính, Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2013/TT-TTCP của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính, Thông tư số 60/2014/TT-BTNMT ngày 18/11/2004 của Bộ C an.

Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Lệ T yêu cầu Tòa án hủy C văn số 725/CNVPĐKĐĐ ngày 10/9/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T và hủy C văn số 201/UBND-TNMT ngày 06/3/2020 của Chủ tịch UBND huyện T và buộc UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho bà.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 03/10/2022, người khởi kiện – bà Trương Thị Lệ T (sau đây gọi là Người khởi kiện) kháng cáo toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm và đề nghị chấp nhận yêu cầu của Người khởi kiện hủy: C văn số 725/CNVPĐKĐĐ ngày 10/9/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T; hủy C văn số 201/UBND-TNMT ngày 06/3/2020 của Chủ tịch UBND huyện T và buộc UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên thửa đất đất số 126, tờ bản đồ số 75, diện tích 327m^2 cho Bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người khởi kiện không rút đơn khởi kiện, không rút đơn kháng cáo mà vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo như trên và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của Người khởi kiện,sửa bản án sơ thẩm để chấp nhận các yêu cầu của Người khởi kiện; Người bị kiện và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về phía Người bị kiện đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Người khởi kiện; Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của Người khởi kiện, giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 58/2022/HC-ST ngày 26/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

Sau khi nghe: Người kháng cáo trình bày nội dung kháng cáo; ý kiến của các bên liên quan đến nội dung kháng cáo và tranh luận tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và quan điểm của Viện kiểm sát về giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T có đơn xin xét xử vắng mặt; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về phía Người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 và khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng nói trên.

[2]. Xét kháng cáo của bà Trương Thị Lệ T (sau đây gọi là Người khởi kiện) đề nghị chấp nhận yêu cầu của Người khởi kiện: Hủy C văn số 725/CNVPĐKĐĐ ngày 10/9/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T; hủy C văn số 201/UBND-TNMT ngày 06/3/2020 của Chủ tịch UBND huyện T và buộc UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên thửa đất số 126, tờ bản đồ số 75, diện tích 327m^2 cho Bà thì thấy:

[2.1]. Căn cứ các tài liệu có trong hố sơ vụ án và hồ sơ địa chính qua các thời kỳ thì thửa đất số 126, tờ bản đồ số 75, diện tích 327m^2 mà bà Trương Thị Lệ T yêu cầu công nhận là đất ở và cấp Giấy CNQSD đất được tách ra từ thửa đất số 35, tờ bản đồ số 11 diện tích 720m^2, loại đất: T, do cụ Mai Xuân L đứng tên chủ sử dụng. Theo hồ sơ địa chính năm 1993, thửa đất trên chia thành 3 thửa: Thửa số 91, tờ bản đồ số 6, diện tích 410m^2 (200m^2 đất ở, 210m^2 đất vườn) do ông Mai Thành C đứng tên chủ sử dụng có tên trong sổ mục kê quyển số 2; Thửa số 87 tờ bản đồ số 6, diện tích 210m^2 (200m^2 đất ở, 10m^2 đất vườn) do ông Mai Xuân B đứng tên chủ sử dụng có tên trong sổ mục kê quyển số 2; Thửa số 86 tờ bản đồ số 6, diện tích 320m^2 loại đất vườn do ông Mai Xuân T (ông Mai Xuân T là chồng của bà Trương Thị Lệ T) đứng tên chủ sử dụng có tên trong sổ mục kê quyển số 2. Sau khi ông T chết không để lại di chúc, các thành viên trong gia đình ông T gồm bà T và các con ông T, bà T thống nhất thỏa thuận phân chia di sản được UBND thị trấn T chứng thực ngày 22/5/2019 để lại cho bà Trương Thị Lệ T sử dụng.

[2.2]. Qua rà soát toàn bộ hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T xác định thửa đất số 126, tờ bản đồ số 75, diện tích 327m^2 do ông Mai Xuân T đăng ký sử dụng là đất vườn nhưng đã có nhà ở của ông T xây dựng trên thửa đất nhưng không có một trong các loại giấy tờ được quy định tại điều 100 Luật Đất đai năm 2013, hồ sơ địa chính năm 1993 là đất vườn, hiện trạng đã xây dựng nhà ở. Điểm c khoản 5 Điều 20 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013, quy định: "*Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ổn định vào mục đích thuộc nhóm đất nông nghiệp từ trước ngày 01/7/2004 trong cùng thửa đất có nhà ở thì hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo mục đích hiện trạng sử dụng; nếu người sử dụng đất đề nghị chuyển sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp thì phải làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất và phải nộp tiền sử dụng*

đất theo quy định của pháp luật". Do đó, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T đã ban hành C văn số 725/CNVPĐKĐĐ ngày 10/9/2019 chuyển trả hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở cho bà Trương Thị Lệ T và C văn số 201/UBND-TNMT ngày 06/3/2020 của Chủ tịch UBND huyện T về việc phúc đáp đơn của ông Trần Hữu P (đại diện cho bà Trương Thị Lệ T) là có căn cứ, đúng quy định.

[3]. Từ những nhận định trên có căn cứ để khẳng định Bản án sơ thẩm Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Lệ T là có căn cứ, đúng với các quy định của pháp luật đã viện dẫn ở trên. Sau khi xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Người khởi kiện kháng cáo nhưng không có chứng cứ nào mới nên Hội đồng xét xử phúc thẩm Bác đơn kháng cáo của Người khởi kiện. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 58/2022/HC-ST ngày 26/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

[4]. Kháng cáo của bà Trương Thị Lệ T không được chấp nhận nên bà T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Từ những nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính.

Bác kháng cáo của bà Trương Thị Lệ T. Giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 58/2022/HC-ST ngày 26/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

Áp dụng: điều 100 Luật Đất đai năm 2013; điểm c khoản 5 Điều 20 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai năm 2013.

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Lệ T yêu cầu Tòa án hủy C văn số 725/CNVPĐKĐĐ ngày 10/9/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T và hủy C văn số 201/UBND-TNMT ngày 06/3/2020 của Chủ tịch UBND huyện T và buộc UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho Bà.

2. Án phí hành chính phúc thẩm: Áp dụng khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Trương Thị Lệ T phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0000217 ngày 10/10/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định.

3. Án phí hành chính sơ thẩm được thực hiện theo Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 58/2022/HC-ST ngày 26/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Cục THADS tỉnh Bình Định;
- Đương sự;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án./

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tiến